

Thứ sáu, ngày 26 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/5/2023		●	
Tuần 29/5-2/6/2023		●	
Tháng 05/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng đi ngang của VN-Index vẫn tiếp diễn trong ngày hôm nay. Sau một ngày giằng co, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,063.76, gần như không thay đổi so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường kỳ vọng sẽ bật tăng sau khi xu hướng tích lũy này kết thúc.

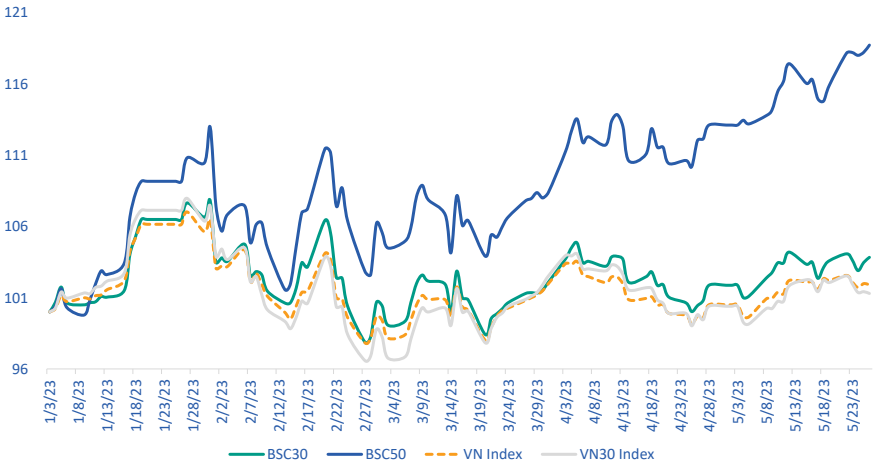
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.87** điểm, đóng cửa **1063.76** điểm. HNX-Index **+0.86** điểm, đóng cửa **217.64** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.45)**, **CTG (+0.24)**, **GEX (+0.14)**, **PGV (+0.11)**, **HVN (+0.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.42)**, **VIC (-0.57)**, **GAS (-0.48)**, **BID (-0.44)**, **SAB (-0.4)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,425** tỷ đồng, giảm **-10.6%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,889 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 3.52 điểm. Thị trường có **227** mã tăng, 72 mã tham chiếu, **146** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-332.06** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-103.06 tỷ)**, **VND (-58.3 tỷ)**, **HSG (-47.58 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.77** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1063.76**
Giá trị: 9425.22 tỷ **-0.87 (-0.08%)**
Khối ngoại (ròng): -332.06 tỷ

HNX-INDEX **217.64**
Giá trị: 1192.16 tỷ **0.86 (0.4%)**
Khối ngoại (ròng): -0.77 tỷ

UPCOM-INDEX **80.58**
Giá trị: 807.98 tỷ **-0.13 (-0.16%)**
Khối ngoại (ròng): -8.94 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	71.7	-0.17%
Giá vàng	1,954	0.67%
Tỷ giá USD/VND	23,711	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,202	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	16,803	0.12%
LS liên NH 1 tháng	4.6%	0.20%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	66.63	VHM	-103.06
VRE	20.16	VND	-58.30
VIC	16.82	HSG	-47.58
POW	13.05	CTG	-45.44
NLG	12.81	HPG	-33.18

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/5

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 25/5, dầu thô Brent giảm 2.1 USD tương đương 2.7% xuống 76.25 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 2.51 USD tương đương 3.4% xuống 71.83 USD/thùng. Trong phiên có lúc cả hai loại dầu đều giảm hơn 3 USD/thùng.
 - Giá dầu giảm sau khi phó Thủ tướng Nga, Alexander Novak hạ thấp triển vọng cắt giảm sản lượng tiếp theo của OPEC+ tại cuộc họp vào tuần tới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.8% xuống 1,941.85 USD/ounce – thấp nhất kể từ ngày 22/3/3023 và vàng kỳ hạn tháng 6/2023 trên sàn New York giảm 1.1% xuống 1,943.7 USD/ounce.
 - Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất 2 tháng, do lạc quan xung quanh các cuộc đàm phán về trần nợ của Mỹ, làm giảm nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn là vàng thỏi và số liệu kinh tế mạnh mẽ, thúc đẩy đặt cược về đợt tăng lãi suất khác của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên giảm 2.2% xuống 681 CNY (98.52 USD)/tấn, sau khi chạm 674 CNY/tấn – thấp nhất kể từ ngày 2/12/2022 - trong đầu phiên giao dịch. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 6/2023 trên sàn Singapore giảm 0.2% xuống 95.25 USD/tấn, sau khi chạm mức thấp nhất 3 tuần (94.7 USD/tấn) trong đầu phiên giao dịch. Như vậy, tính từ đầu năm đến nay, giá quặng sắt tại Singapore đã giảm hơn 15%.
 - Nhu cầu thép của Trung Quốc trong mùa xây dựng đỉnh điểm vào mùa xuân thấp hơn so với kỳ vọng, và dự kiến sẽ không được cải thiện trong mùa hè. Thời tiết nóng và mưa trong suốt mùa hè Trung Quốc kéo dài từ tháng 6 đến tháng 8, thường làm chậm hoạt động xây dựng và hạn chế nhu cầu thép đã khiến giá suy giảm.

Giá nông sản

- Giá cà phê robusta xuất khẩu của Việt Nam (loại 2, 5% đen & vỡ) chào bán ở mức cộng 150-180 USD/tấn so với hợp đồng kỳ hạn tháng 7/2023 trên sàn London, tăng so với 150-160 USD/tấn 1 tuần trước đó. Tại thị trường nội địa, cà phê nhân xô được bán với giá 59,200-61,100 VND (2.53-2.61 USD)/kg, tăng so với 55,200-57,500 VND/kg 1 tuần trước đó.

Thị trường chứng khoán thế giới

	26/5	% 26/5	25/5	% 25/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1063.76	-0.08%	1064.63	1.35%	-0.31%	2.00%
S&P 500			4151.28	0.88%	-1.11%	1.96%
HDTL S&P500	4153.00	-0.16%	4159.75	5.60%	-1.23%	1.89%
Shang-hai	3212.50	0.35%	3201.26	0.79%	-2.16%	-2.69%
Euro Stoxx	4271.50		4269.64	11.67%	-2.82%	-1.75%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/23/2023	REE	61.45	70	58	61.5	3	0.08%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	64	14	-0.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/27/2023	VGT	11.6	13.5	10.65	11.6	29	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.1	80	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	9.6	85	11.63%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

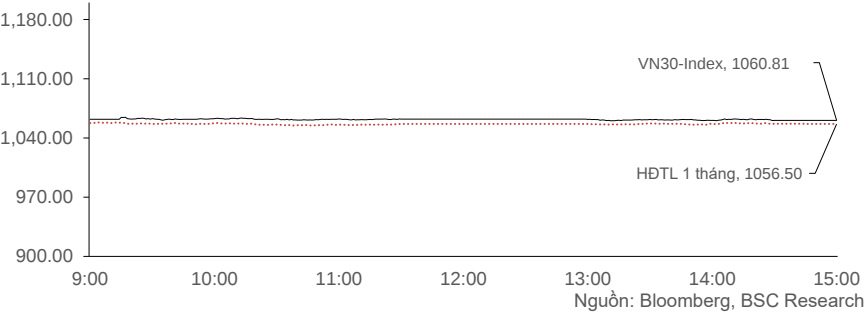
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	1	2.93%	-0.93%	2.16%	42
Cổ phiếu đã chốt	252	232	6.97%	-7.45%	3.99%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1052.70	0.35%	-8.11	-89.8%	34	12/21/2023	209
VN30F2307	1053.80	-0.08%	-7.01	-68.4%	181	7/20/2023	55
VN30F2306	1056.50	-0.05%	-4.31	-26.4%	121,117	6/15/2023	20
VN30F2309	1052.90	0.18%	-7.91	-59.5%	17	9/21/2023	118

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -1.34 điểm xuống 1060.81 điểm, biên độ dao động 4.81 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VCB, HPG, ACB, và NVL đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chịu áp lực bán và mất đà tăng từ giữa phiên sáng. Chỉ số kết phiên giảm nhẹ. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL biến động trái chiều. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2309 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2218	6/6/2023	11	6:1	406,100	39.70%	1,870	340	30.77%	325	1.05	13,920	54,000	55,000
CVRE2216	8/31/2023	97	4:1	455,800	43.42%	1,700	280	3.70%	349	0.80	31,020	31,000	27,700
CSTB2225	11/1/2023	159	2:1	377,700	49.44%	2,600	4,150	2.22%	3,919	1.06	108,400	20,500	27,200
CSTB2224	9/5/2023	102	2:1	381,000	49.44%	1,640	4,030	1.51%	3,884	1.04	103,200	20,000	27,200
CTCB2214	6/6/2023	11	3:1	168,500	44.06%	1,800	970	1.04%	997	0.97	51,200	27,000	29,900
CSTB2303	11/9/2023	167	2:1	191,400	49.44%	1,100	3,520	0.28%	3,411	1.03	50,700	22,000	27,200
CVHM2216	8/31/2023	97	8:1	745,200	39.70%	1,000	230	0.00%	282	0.82	16,453	62,000	55,000
CMWG2214	9/5/2023	102	10:1	560,200	43.99%	2,500	250	0.00%	116	2.16	20,880	46,500	38,200
CFPT2210	8/31/2023	97	10:1	381,200	24.34%	1,300	330	0.00%	202	1.64	29,260	90,000	83,100
CVPB2212	8/31/2023	97	2.66:1	594,200	38.44%	4,500	180	0.00%	88	2.04	27,620	24,644	19,150
CACB2208	9/5/2023	102	4:1	256,800	35.43%	1,100	1,240	-0.80%	1,055	1.18	25,900	21,500	25,000
CHPG2306	11/9/2023	167	3:1	422,000	48.48%	1,970	1,080	-0.92%	1,161	0.93	23,300	20,000	21,100
CVRE2220	9/5/2023	102	4:1	369,900	43.42%	2,500	560	-1.75%	437	1.28	34,380	30,000	27,700
CFPT2212	6/6/2023	11	10:1	337,400	24.34%	1,850	1,240	-2.36%	1,318	0.94	88,200	70,000	83,100
CHPG2227	11/1/2023	159	2:1	202,500	48.48%	1,100	1,860	-2.62%	1,579	1.18	19,589	20,500	21,100
CMWG2302	11/9/2023	167	6:1	1,025,400	43.99%	1,100	300	-3.23%	242	1.24	22,200	50,000	38,200
CHPG2226	9/5/2023	102	2:1	86,500	48.48%	1,510	1,750	-3.31%	1,547	1.13	96,000	19,500	21,100
CFPT2213	9/5/2023	102	10:1	172,100	24.34%	2,350	1,280	-3.76%	1,046	1.22	94,700	74,500	83,100
CVHM2219	9/5/2023	102	5:1	163,100	39.70%	1,100	1,200	-4.76%	885	1.36	24,672	56,000	55,000
CVPB2214	9/5/2023	102	4:1	449,600	38.44%	1,650	920	-8.00%	731	1.259	42,040	17,000	19,150
Tổng				7,746,600	40.85%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 17.73%. Giá trị giao dịch giảm -11.7%. CSTB2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.73%.
- CVRE2219, CACB2301, CSTB2302, và CVRE2216 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	17.20	2.69	0.45	5.41MLN
CTG	27.80	0.72	0.24	1.78MLN
GEX	15.00	4.53	0.14	31.38MLN
PGV	25.20	1.61	0.11	74800
HVN	12.70	1.60	0.11	1.26MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	92.00	-1.29	-1	283700.00
VIC	52.00	-1.14	-1	1.59MLN
GAS	93.70	-1.06	0	428800
BID	43.40	-0.80	0	544800
SAB	155.50	-1.58	0	70600

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

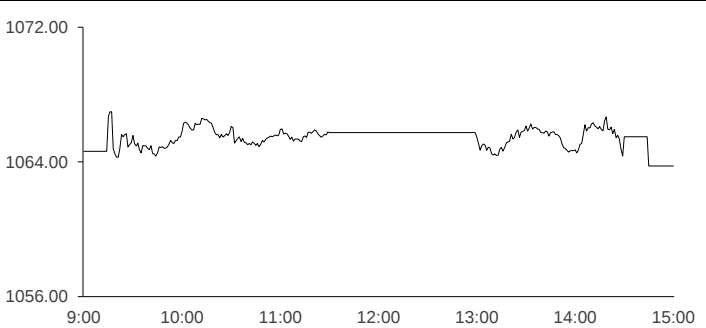
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABS	6.31	6.95	0.01	4.65MLN
TDH	3.70	6.94	0.01	56100
TMT	21.60	6.93	0.01	42700
HTN	13.90	6.92	0.02	1.99MLN
SJF	3.40	6.92	0.00	1.78MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	92.00	-1.29	-1.42	283700
VIC	52.00	-1.14	-0.57	1.59MLN
GAS	93.70	-1.06	-0.48	428800.00
BID	43.40	-0.80	-0.44	544800
SAB	155.50	-1.58	-0.40	70600

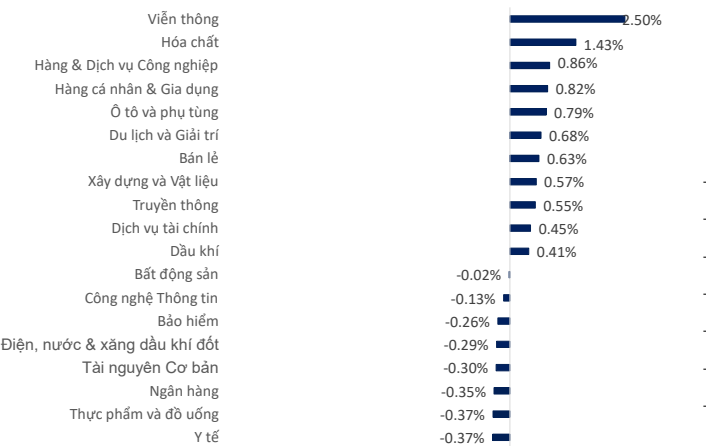
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	25.90	1.97	0.16	5.19MLN
SHS	11.10	0.91	0.13	9.90MLN
IDJ	14.90	3.47	0.11	3.02MLN
APS	15.30	3.38	0.06	1.45MLN
THD	39.90	0.25	0.06	5000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	13.30	-0.75	-0.08	39200
TVC	5.30	-5.36	-0.05	2.73MLN
BCF	38.00	-5.00	-0.05	100
PVS	30.30	-0.33	-0.04	6.99MLN
SCG	64.20	-0.62	-0.04	119700

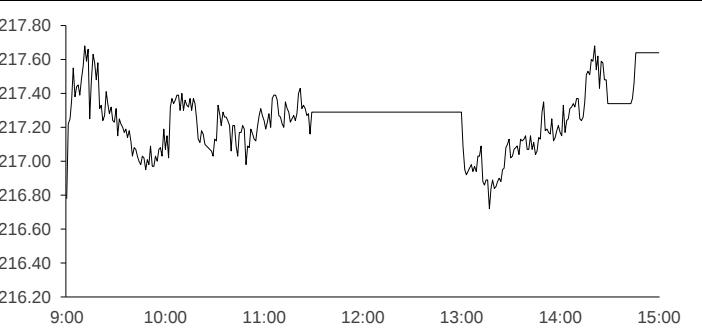
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VE4	121.00	10.0	0.01	100
DAD	20.20	9.8	0.01	1500
X20	10.10	9.8	0.01	200
PIC	16.00	9.6	0.02	600
PVB	19.50	9.6	0.03	786000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

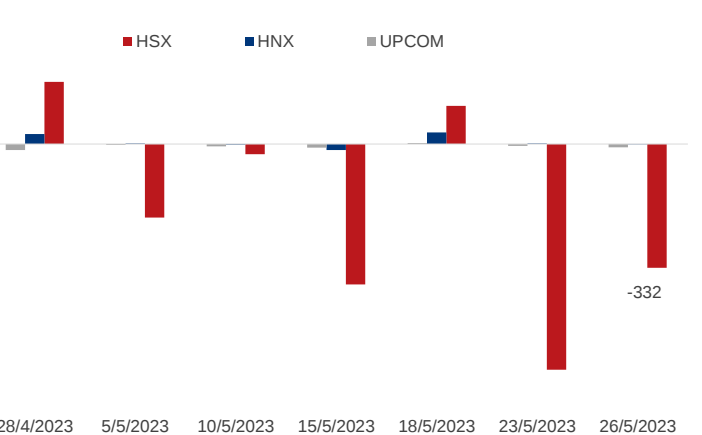
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAF	51.70	-9.93	-0.02	3000
VLA	40.90	-9.91	-0.01	2700
GLT	21.90	-9.88	-0.01	200
SGC	61.00	-9.63	-0.02	200
THS	12.20	-9.63	0.00	100

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

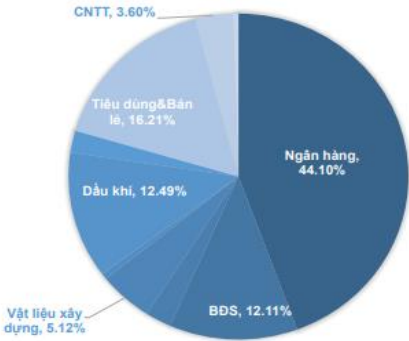
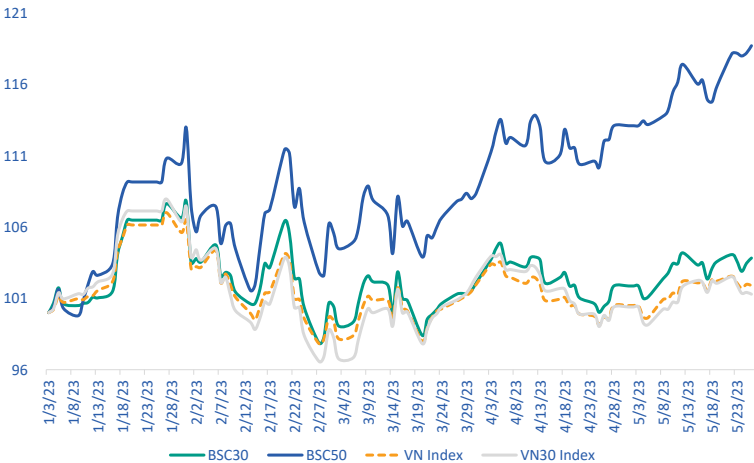
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	92.0	-1.3%	0.9	18,930	1.1	7,311	12.6	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	43.4	-0.8%	1.0	9,545	1.0	4,208	10.3	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	-0.3%	1.2	5,589	5.8	3,972	4.8	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	29.9	0.3%	1.4	4,572	2.3	14,982	2.0		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.5	0.0%	1.4	3,637	3.1	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	27.2	0.7%	1.3	2,229	13.4	4,640	5.9	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	17.2	2.7%	1.1	2,991	4.0	4,603	3.7	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	27.0	1.1%	1.7	901	6.3	4,880	5.5	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	41.3	0.0%	1.7	593	4.9			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	37.6	1.6%	1.6	733	2.0	1,217	30.9		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.1	-0.5%	1.0	5,334	14.7	1,916	11.0	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.0	0.0%	0.9	10,413	4.3	1,896	29.0	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.7	0.0%	1.2	2,737	2.4	5,227	5.3	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.8	1.4%	0.4	929	4.2	1,576	18.9	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	32.0	2.2%	1.5	534	2.3	2,557	12.5	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	50.3	-0.8%	1.5	831	3.4	14,120	3.6	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	31.5	1.0%	1.3	536	1.5	6,793	4.6	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.6	0.9%	0.8	543	1.4	2,625	9.0	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	93.7	-1.1%	0.8	7,797	1.8	2,292	40.9	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.7	0.8%	1.1	2,080	1.2	1,340	28.1	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	30.3	-0.3%	1.3	630	9.2	993	30.5	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	-0.4%	1.6	576	4.2	7,698	3.1	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.6	1.1%	1.2	1,385	3.5	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	67.1	0.0%	1.2	6,097	2.7	2,605	25.8	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	72.0	0.0%	1.1	4,457	2.4	3,456	20.8	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	38.2	0.5%	1.3	2,430	1.5	7,475	5.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	72.0	1.1%	0.7	1,027	0.9	2,965	24.3	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	57.5	0.9%	1.2	458	0.7	12,800	4.5	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	49.6	-0.4%	0.7	650	0.8	7,059	7.0	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	83.1	-0.1%	0.8	3,990	3.1	5,901	14.1	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.35%	0.43%	-0.08%	-0.13%
1 tuần	0.23%	2.44%	-0.31%	-0.75%
1 tháng	3.37%	5.98%	2.21%	1.49%
3 tháng	5.66%	15.69%	3.81%	4.52%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	27.8	0.7%	1.2	5,809	2.1	3,520	7.9	1.2	27.5%	16.1%
ACB	Ngân hàng	25.0	-0.4%	1.1	3,671	9.3	4,304	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.5	0.0%	0.9	2,133	1.0	3,149	6.2	1.3	19.6%	22.6%
LPB	Ngân hàng	14.2	1.4%	1.5	1,064	6.5	2,732	5.2	1.0	4.4%	19.9%
VIB	Ngân hàng	21.1	0.7%	1.3	1,929	2.2	4,163	5.1	1.4	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	16.0	0.6%	2.1	845	12.2	489	32.6	1.3		4.8%
TPB	Ngân hàng	23.7	1.1%	1.1	1,626	1.4	4,030	5.9	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	22.6	0.2%	1.7	1,470	8.1	1,120	20.1	1.5		7.9%
CII	Xây dựng	17.3	3.3%	1.8	190	9.8	218	79.5	0.8	10.3%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.4	1.5%	2.1	213	1.3	791	16.9	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	64.0	0.0%	1.9	206	1.1	184	347.9	0.6	48.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.4	0.7%	1.7	193	7.1	966	14.9	0.6	2.1%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.4	0.8%	2.1	110	5.3	781	17.1	1.0	3.3%	5.9%
BCM	KCN	77.4	0.0%	0.9	3,483	0.1	1,170	66.1	4.7	2.8%	8.1%
HUT	KCN	17.9	0.6%	1.5	271	1.4	162	110.6	1.6	1.9%	1.4%
PHR	KCN	46.0	0.3%	1.4	271	1.8	6,039	7.6	1.8	15.4%	24.1%
SZC	KCN	34.3	-0.1%	1.8	149	0.9	1,323	25.9	2.2	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.4	-1.0%	2.1	399	9.9	(1,754)		0.9	16.7%	-9.6%
HT1	Vật liệu	14.4	0.0%	1.5	238	0.4	386	37.2	1.1	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	14.7	-1.0%	2.3	168	3.0	(2,586)		0.7	11.6%	-11.8%
PTB	Vật liệu	43.8	-1.4%	1.0	130	0.6	6,017	7.3	1.1	13.8%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.4	-0.8%	1.7	88	2.9	1,393	19.0	1.0	3.6%	5.6%
NVL	BDS	13.0	-1.9%	1.0	1,098	11.4	362	35.7	0.7	5.8%	1.9%
DXG	BDS	14.5	4.0%	2.2	383	12.5	(240)		1.0	20.0%	-1.6%
HDC	BDS	34.8	1.5%	1.4	164	2.1	3,157	11.0	2.0	1.7%	20.9%
DIG	BDS	20.8	1.2%	2.5	552	14.2	262	79.5	1.9	5.5%	2.1%
IJC	BDS	14.3	0.0%	2.1	157	1.4	1,662	8.6	0.9	5.9%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.1	3.0%	1.6	2,305	17.0	4,750	3.6	1.0	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.0	-0.2%	1.3	296	2.5	2,740	7.7	1.1	15.6%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.0	-0.3%	1.8	130	0.6	1,355	27.3	2.4	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	21.4	0.5%	1.3	110	0.2	2,246	9.5	1.4	8.8%	14.4%
REE	Tiện ích	61.5	0.8%	0.8	1,093	1.6	6,714	9.2	1.6	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	15.0	4.5%	1.8	555	20.3	10	1502.1	1.1	12.0%	0.1%
NT2	Tiện ích	32.9	0.0%	0.8	412	0.7	3,245	10.1	2.1	16.0%	20.9%
HDG	Tiện ích	34.8	1.8%	1.5	370	1.2	4,718	7.4	1.5	21.6%	22.6%
PC1	Tiện ích	29.1	1.6%	1.3	342	2.7	1,257	23.1	1.5	8.0%	6.8%
GEG	Tiện ích	16.6	1.2%	1.1	232	2.5	956	17.3	1.7	46.5%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.1	-0.4%	2.1	212	3.5	220	41.4	0.7	1.8%	1.5%
SAB	Bán lẻ	155.5	-1.6%	0.2	4,336	0.5	7,649	20.3	4.1	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	43.0	-1.1%	0.5	667	0.5	4,226	10.2	1.7	19.0%	17.5%
FRT	Bán lẻ	63.0	0.3%	1.4	325	1.1	1,863	33.8	3.7	29.6%	11.5%
DGW	Bán lẻ	33.1	0.8%	1.7	240	0.6	3,397	9.7	2.2	22.3%	24.7%
DBC	Bán lẻ	19.3	2.4%	2.0	203	3.8	(1,339)		1.1	5.9%	-7.2%
PET	Bán lẻ	24.5	0.0%	2.4	105	0.4	1,026	23.8			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.7	0.0%		148	2.1	1,409	16.8	1.8	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	31.9	-0.2%	1.6	185	1.3	4,368	7.3	1.4	6.1%	20.1%
VSC	Logistics	28.0	-2.3%	0.5	148	0.3	2,087	13.4	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	39.2	-0.8%	1.1	120	1.0	9,072	4.3	1.2	8.2%	34.4%
CTR	Công nghệ	69.9	-2.1%	1.3	348	0.5	4,040	17.3	4.6	10.7%	29.3%
TNG	Dệt may	19.3	0.0%	1.8	88	1.1	2,879	6.7	1.2	15.9%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639